TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2026/QĐST - VDS	*TH, ngày 12 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/V Yêu cầu xác định cha cho con

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Lê Xuân Vinh

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - TH tham gia phiên họp: Bà Quách Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 306/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2026 về việc "Yêu cầu xác định cha cho con", theo quyết định mở phiên họp số 1002/2026/QĐST-VDS ngày 04 tháng 8 năm 2026 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 2000. Số căn cước công dân 03800021020. (Là mẹ của cháu có tên dự kiến: Lê Đức Q, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2026).

Địa chỉ: Thôn MT, xã MS, tỉnh TH. (Có đơn xin vắng mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1999. Số căn cước công dân 038099012553.

Địa chỉ: Thôn MT, xã MS, tỉnh TH. (Có đơn xin vắng mặt).

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1996. Số căn cước công dân: 038096029330.

Địa chỉ: Thôn CN, xã NL, tỉnh TH. (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu, bản tự khai Chị Phạm Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn, đến năm 2025 do mâu thuẫn vợ chồng, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh Phạm Văn T, năm 2026 chị và anh Phạm Văn T ly hôn, tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 39/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH đã quyết định cho chị và anh Phạm Văn T ly hôn. Anh T và chị có 02 con chung là cháu Phạm Quốc K, giới tính: Nam, sinh ngày 04/09/2020; cháu Phạm Quang H, giới tính: Nam, sinh ngày: 07/02/2023. Chị và Anh T thỏa thuận: Giao 02 con là Phạm Quốc K và Phạm Quang H cho Anh T chăm sóc nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian chị sống ly thân và chờ Tòa án giải quyết ly hôn với Anh T, đầu năm 2025 chị và anh Lê Văn T đã phát sinh tình cảm và quan hệ nam nữ với nhau, đến ngày 27/02/2026 chị sinh con và dự kiến đặt tên Lê Đức Q. Hiện nay chị và anh Phạm Văn T đã ly hôn theo quy định của pháp luật. Đến ngày 19 tháng 3 năm 2026 chị và anh Lê Văn T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã MS, tỉnh TH và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2026.

Ngày 02/04/2026 chị và anh Lê Văn T đã mang cháu có tên dự kiến Lê Đức Q đến Công ty TNHH TMDV NovaMed làm xét nghiệm ADN của Lê Đức Q. Kết quả xét nghiệm ADN kết luận: Lê Văn T có quan hệ huyết thống bố - con với người có tên dự kiến Lê Đức Q độ tin cậy > 99,9999%. Chị đề nghị Tòa án giải quyết xác định anh Lê Văn T là cha của cháu có tên dự kiến Lê Đức Q theo quy định của pháp luật.

Mục đích yêu cầu xác định anh Lê Văn T là cha của cháu có tên d kiến là Lê Đức Q, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2026 là để đảm bảo quyền lợi của cháu Lê Đức Q được đăng ký khai sinh theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 28/7/2026 anh Lê Văn T công nhận nội dung chị Phạm Thị H trình bày là đúng và anh nhất trí với yêu cầu của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết xác định anh là cha của cháu có tên dự kiến Lê Đức Q sinh ngày 27 tháng 2 năm 2026 theo quy định của pháp luật.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, Anh T trình bày: Anh và chị H kết hôn có đăng ký kết hôn, vợ chồng mâu thuẫn đã được Tòa án giải quyết ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 39/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH đã quyết định cho anh và chị H ly hôn và giao 02 con chung là Phạm Quốc K, giới tính: Nam, sinh ngày 04/09/2020; Phạm Quang H, giới tính: Nam, sinh ngày: 07/02/2023 cho anh chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trước khi ly hôn anh và chị H đã sống ly thân từ cuối năm 2024, trong thời gian ly thân anh được biết chị H có qua lại với anh Lê Văn T và có con chung là Phạm Đức Q, cháu Q không phải là con của anh, đồng thời có đơn xin ắng mặt tại phiên họp.

Tại phiên họp đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký, Thành phần giải quyết việc dân sự và người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn T và anh Phạm Văn T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin vắng mặt. Đề nghị chủ tọa phiên họp áp dụng: Khoản 10 Điều 29; Điều 35; khoản 1 Điều 149; Điều 366; Điều 369; Điều 367; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88; Điều 90; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H về việc yêu cầu xác định anh Lê Văn T, sinh năm 1999 là Cha của cháu Lê Đức Q, sinh ngày 27 tháng 2 năm 2026. Buộc chị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH nhận định:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng của Tòa án: Chị H yêu cầu Tòa án xác định anh Lê Văn T là Cha của cháu Lê Đức Q sinh ngày 27 tháng 2 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 10 Điều 29, khoản 1 Điều 35, Điều 366, 369 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88; Điều 90 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về yêu cầu giải quyết: Căn cứ lời trình bày của chị H, anh Lê Văn T và Phạm Văn T, căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 39/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – TH đã quyết định cho Anh T và chị H ly hôn. Anh T chị H có 02 con chung là Phạm Quốc K, giới tính: Nam, sinh ngày 04/09/2020; Phạm Quang H, giới tính: Nam, sinh ngày: 07/02/2023. Giao 02 con là cháu Phạm Quốc K và Phạm Quang H cho Anh T chăm sóc nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ kết quả xét nghiệm ADN của Lê Văn T và người có tên dự kiến Lê Đức Q độ tin cậy > 99.9999%. Chị Phạm Thị Huong yêu cầu xác định anh Lê Văn T là cha của cháu Lê Đức Q sinh ngày 27 tháng 2 năm 2026 phù hợp với quy định tại Điều 88, Điều 90 và khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại bản tự khai anh Lê Văn T, và Phạm Văn T công nhận nội dung chị H trình bày là đúng và xác định anh Lê Văn T và chị H có con chung là Lê Đức Q sinh ngày 27 tháng 2 năm 2026. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H về việc yêu cầu xác định anh Lê Văn T là cha của người có tên dự kiến Lê Đức Q sinh ngày 27 tháng 2 năm 2026 là phù hợp nên có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với các tài liệu chứng cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Chị H phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 10 Điều 29; Điều 35; khoản 1 Điều 149; Điều 366; Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 88; Điều 90; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 4; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự xác định cha cho con của chị Phạm Thị H. Xác định anh Lê Văn T, sinh ngày 18/09/1999; nơi ở: Thôn MT, xã MS, tỉnh TH là cha của người có tên dự kiến: Lê Đức Q sinh ngày 27 tháng 02 năm 2026.

Về lệ phí: Chị Phạm Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000666 ngày 21/7/2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh TH. Chấp nhận chị Phạm Thị H đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

Về quyền kháng cáo:

- Chị Phạm Thị H, anh Lê Văn T, anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – TH có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh TH có quyền kháng nghị này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND Khu vực 10 – TH;
- Thi hành án dân sự tỉnh TH;
- UBND xã MS, tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Xuân Vinh